TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **166**/2025/DS-PT
Ngày: 29-4-2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn
Các thẩm phán: Bà Hà Thị Thanh Nữ
Ông Trần Tiến Nghĩa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thái Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Hoàng Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 290/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2025/QĐ-PT ngày 13/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 266/2025/QĐ-PT ngày 09/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Quang V, sinh năm 1964.
Địa chỉ: khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1966.
Địa chỉ thường trú: khu phố A, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ tạm trú: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Phát T1, sinh năm 1991.
Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2024)
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1965.
Địa chỉ: khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của ông V, bà H: Bà Đinh Thị Thúy H1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ H, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 362, tổ G, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2025)

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T.

(Bà H1, ông T1, ông T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Đoàn Quang V có bà Phạm Thị Huyền T2 đại diện trình bày:

Vợ chồng ông Đoàn Quang V, bà Trần Thị H và ông Nguyễn Hữu T là chỗ quen biết.

Ngày 01/5/2021, ông Nguyễn Hữu T hỏi vay vợ chồng ông V, bà H số tiền 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng) và vợ chồng ông V, bà H đồng ý cho ông T vay số tiền 9.000.000.000 đồng và ông T đã nhận số tiền 9.000.000.000 đồng từ vợ chồng ông V, bà H, cụ thể như sau:

Vợ chồng ông V, bà H và ông Nguyễn Hữu T có thỏa thuận đối với khoản vay 5.000.000.000 đồng thì ông T thế chấp cho vợ chồng ông V, bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu T3 (là con ruột ông T). Ngày 01/5/2021, giữa vợ chồng ông V, bà H và ông T có làm "hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất" giữa bên thế chấp ông Nguyễn Hữu T3 và bên nhận thế chấp ông V, bà H. Ông T thế chấp cho vợ chồng ông V, bà H thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã P (viết tắt: thửa đất số 130) để đảm bảo khoản vay 5.000.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông V, bà H cùng với ông Nguyễn Hữu T3 và ông Nguyễn Hữu T đến Văn phòng C để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 130. Số tiền 5.000.000.000 đồng đã được giải quyết bằng thửa đất số 130 nên vợ chồng ông V, bà H không yêu cầu ông T trả số tiền 5.000.000.000 đồng và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với khoản vay số tiền 4.000.000.000 đồng mà ông Nguyễn Hữu T vay của vợ chồng ông V, bà H thì vợ chồng ông V có làm "giấy vay nợ" ngày 01/5/2021, với nội dung ông Nguyễn Hữu T vay của vợ chồng ông V, bà H số tiền 4.000.000.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu T có ký tên và điểm chỉ trong "giấy vay nợ" ngày 01/5/2021. Ông T không thế chấp cho vợ chồng ông V bất cứ tài sản gì cho số tiền 4.000.000.000 đồng.

Khi vợ chồng ông V, bà H cho ông Nguyễn Hữu T vay số tiền 9.000.000.000 đồng thì các bên không thỏa thuận về lãi suất và không thỏa thuận thời hạn trả nợ,

trong đó đối với số tiền 4.000.000.000 đồng cũng không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ.

Sau tết năm 2024, ông V và anh Đoàn Văn D (là con ruột ông V, bà H) đã đến nhà ông T để nói chuyện và ông T thừa nhận vay số tiền 9.000.000.000 đồng của vợ chồng ông V, bà H nhưng ông T đã sang cho vợ chồng ông V, bà H thửa đất số 130 để cấn trừ đối với số tiền 5.000.000.000 đồng và ông T thừa nhận nợ vợ chồng ông V số tiền 4.000.000.000 đồng tại giấy viết tay ngày 01/5/2021 và ông V đã ghi âm toàn bộ cuộc nói chuyện và đã cung cấp cho Tòa án.

Ông T cho rằng vợ chồng ông V, bà H lừa dối ông T ký tên vào giấy vay tiền ngày 01/5/2021 thì đề nghị ông T cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Còn ông T cho rằng mới học chưa hết lớp 1 là không đúng sự thật nếu ông T chưa học hết lớp 1 thì sao có thể nhắn tin cho ông V biết ghép vần rõ ràng chứng tỏ ông T có học vấn chứ không phải không biết chữ.

Nay ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả vợ chồng ông Đoàn Quang V, bà Trần Thị H số tiền nợ gốc 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng) và không yêu cầu trả tiền lãi.

Về án phí: Ông V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Theo án sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hữu T có ông Kim Hải V1 đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Hữu T và ông Đoàn Quang V là chỗ quen biết.

Ông T có tâm sự với vợ chồng ông V, bà H là đang kẹt tiền cho con trai Nguyễn Hữu T3 để kinh doanh thì được ông V, bà H hứa giúp đỡ cho vay số tiền 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên ông V, bà H có yêu cầu ông T thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 130, tờ bản đồ 18, tọa lạc xã P và thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 130 cấp cho ông Nguyễn Hữu T3 và ông T3 là người ký hợp đồng chuyển nhượng, ông T3 là người vay tiền của ông V, bà H. Ông T là người nhận số tiền 5.000.000.000 đồng từ ông V, bà H.

Thời gian vay số tiền 5.000.000.000 đồng của vợ chồng ông V, bà H thì ông T không nhớ ngày, tháng, năm nhưng được thể hiện trên hợp đồng công chứng về chuyển nhượng quyền sử dụng đất (ông T không có nhớ ngày, tháng). Ông T và ông V, bà H có thỏa thuận với nhau không được phép đi đăng bộ sang tên mà để hợp đồng treo và chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ để cung cấp cho Tòa án. Ông V, bà H đồng ý.

Đến 01/5/2021, ông T đi nhậu và đã say thì bà H có gọi điện cho ông T nói gặp tại quán cà phê (nhưng không rõ quán cà phê nào) gần nhà bà H và ông T chạy đến quán nước để gặp ông V, bà H đã ngồi sẵn ở quán nước chờ ông T. Ông T đến ngồi quán nước thì ông V, bà H có đưa cho ông T 02 tờ giấy đã được viết sẵn nội dung và kêu ông T đọc thì ông T có nói "không biết chữ và trình độ học vấn thấp chưa học hết lớp 1 sao mà đọc" thì bà H đọc cho ông T nghe với nội dung "là hợp đồng thế chấp giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 5.000.000.000 đồng người đứng tên vay là ông Nguyễn Hữu T3". Ông T có thắc mắc tại sao kêu ông T ký thì bà H giải thích ký tên vào giấy vay tiền 5.000.000.000 đồng là do ông T đứng ra bảo lãnh cho ông T3 vay 5.000.000.000 đồng. Ông T tin tưởng và được ông V, bà H đưa hai giấy vay tiền có nội dung như nhau mỗi bên giữ 01 bản và ông T có ký tên. Sau đó, bà H đưa lại cho ông T 01 giấy vay tiền và nói đưa cho ông T3 ký thì ông T thắc mắc không đưa 02 giấy vay tiền thì bà H giải thích là không cần thiết chủ yếu tin tưởng là chính, do trình độ thấp nên không biết được nội dung giấy vay tiền. Toàn bộ lời trình bày của ông T thì ông T không rành về công nghệ và chỉ tin tưởng ông V, bà H nên không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Đối với "giấy vay nợ" ngày 01/5/2021 với số tiền ghi trong giấy vay tiền thể hiện "ông T vay số tiền 4.000.000.000 đồng" thì ông T không nhận số tiền 4.000.000.000 đồng đã vay từ ông V, bà H. Bởi vì, ông T chỉ có vay tiền 5.000.000.000 đồng từ ông V, bà H và ký 02 giấy vay tiền do ông V, bà H viết sẵn và đọc cho ông T nghe là giấy thế chấp quyền sử dụng đất 5.000.000.000 đồng.

Đối với chữ ký "T" và chữ viết "Nguyễn Hữu T" thể hiện bên vay trong giấy vay tiền ngày 01/5/2021 thì ông T thừa nhận ký và viết tên "Nguyễn Hữu T" và ông T có điểm chỉ nhưng nội dung trong giấy vay tiền không phải do ông T viết và giấy này do bà H cầm cho ông T ký tại quán cà phê.

Ông V, bà H biết ông T có học vấn thấp nên đã lừa dối ông T ký vào hai tờ giấy vay tiền với nội dung khác nhau. Ông T sẽ cung cấp 01 giấy vay tiền thể hiện nội dung hợp đồng thế chấp vay số tiền là 5.000.000.000 đồng được ghi là ngày 01/5/2021 cùng thời điểm với giấy vay tiền 4.000.000.000 đồng.

Đối với F ghi âm được lưu trữ trong USB do nguyên đơn ông V cung cấp thì ông Nguyễn Hữu T thừa nhận đây là giọng nói của ông T.

Bà H nói với ông T là 02 giấy vay tiền ngày 01/5/2021 có nội dung như nhau mỗi người giữ một bản. Ông T không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung bà H nói về 02 giấy vay tiền thể hiện cùng một nội dung. Trên thực tế vợ chồng ông V, bà H chưa một lần đòi ông T số tiền 4.000.000.000 đồng và không nhắc đến khoản vay 4.000.000.000 đồng mà chỉ nhắc khoản vay 5.000.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án xem xét đối với toàn bộ chứng cứ do bị đơn cung cấp.

Đối với giấy vay tiền 4.000.000.000 đồng, bị đơn chưa được thấy, không biết và không được đọc lại chỉ nghe phía nguyên đơn đọc giấy 5.000.000.000 đồng, mà thực tế không biết nội dung khác nhau và ký vào, đọc thể hiện nội dung 5.000.000.000 đồng.

Ngày 27/8/2024, ông T cung cấp cho Tòa án 04 File ghi âm được lưu trữ trong thẻ nhớ gắn liền với đầu đọc thẻ nhớ. Nội dung của 04 File ghi âm là cuộc nói chuyện giữa ông T với bà Trần Thị H về số tiền 5.000.000.000 đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông V là do ông V, bà H lợi dụng ông T thiếu hiểu biết về pháp luật, học vấn thấp chưa hết lớp 01 và có hơi men trong người nên đã lừa ông T ký vào giấy vay tiền ngày 01/5/2021 đề nghị Tòa án bác bỏ yêu cầu khởi kiện của ông V, bà H. Ông T khẳng định chỉ có vay ông V, bà H số tiền 5.000.000.000 đồng.

Về án phí: Ông T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Phát T1 trình bày: Thống nhất với trình bày của ông Kim Hải V1 và không bổ sung gì thêm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị Huyền T2 và không bổ sung gì thêm.

Đối với 04 File ghi âm do bị đơn cung cấp cho Tòa án thì bà xác nhận đây là giọng nói của bà trong File ghi âm là cuộc nói chuyện giữa bà và ông Nguyễn Hữu T liên quan đến số tiền 5.000.000.000 đồng và ông T muốn chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp không liên quan đến số tiền 4.000.000.000 đồng mà vợ chồng bà khởi kiện ông T.

+ Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự.
- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Quang V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T.

Buộc ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Đoàn Quang V và bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 4.000.000.000đ *(bốn tỷ đồng)* và không phải trả tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

+ Ngày 04/9/2024 bị đơn ông Nguyễn Hữu T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

- Về đường lối giải quyết:

Cấp sơ thẩm đã giải quyết nội dung tranh chấp phù hợp với quy định pháp luật, bị đơn ông Nguyễn Hữu T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn Đoàn Quang V yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu T trả số tiền nợ vay 4.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, về phía bị đơn không đồng ý và cho rằng chỉ vay số tiền 5.000.000.000 đồng của vợ chồng nguyên đơn vào ngày 01/5/2021 nhưng đã thế chấp cho nguyên đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã P, huyện T.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, tại phiên tòa sơ thẩm ông Kim Hải V1 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn giao nộp 01 thẻ nhớ gắn liền với đầu đọc thẻ nhớ bên trong có 04 File ghi âm và trình bày: 03 File ghi âm liên quan đến cuộc nói chuyện giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị H về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 File ghi âm liên quan đến số tiền 5.000.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã công bố 04 File ghi âm tại phiên tòa: Ông V1 xác nhận giọng nói nam trong 04 File ghi âm là của ông T và bà H xác nhận giọng nói nữ trong 04 File ghi âm là của bà H.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp File ghi âm được lập vi bằng số 44/2025/VB-TPLTN ngày 11/3/2025 thể hiện cuộc nói chuyện giữa ông T và bà H được bà H thừa nhận giọng nói trong File âm là của bà H và F ghi âm thể hiện: cuộc trao đổi giữa ông T và bà H về số tiền 5.000.000.000 đồng và chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không có liên quan đến số tiền 4.000.000.000 đồng mà vợ chồng ông V, bà H đang khởi kiện ông T, do đó cấp sơ thẩm xác định nội dung F ghi âm không phải là cơ sở xem xét trong vụ án này là phù hợp quy định pháp luật.

Về phía nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay số tiền 9.000.000.000 đồng vào ngày 01/5/2021, trong đó một tờ giấy vay 4.000.000.000 đồng và một tờ 5.000.000.000 đồng bị đơn có thế chấp cho vợ chồng nguyên đơn thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã P của ông Nguyễn Hữu T3 (là con ruột ông T) và các bên có làm "Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất" ngày 01/5/2021 để đảm bảo khoản vay 5.000.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông V, bà H cùng với ông Nguyễn Hữu T3 và ông Nguyễn Hữu T đến Văn phòng C để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 130, tờ số 18 xã P. Số tiền 5.000.000.000 đồng đã được giải quyết bằng thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18 tại xã P nên vợ chồng ông V, bà H không yêu cầu ông T trả số tiền 5.000.000.000 đồng và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền 4.000.000.000 đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là "Giấy vay nợ" đề ngày 01/5/2021 thể hiện nội dung bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 4.000.000.000 đồng, về phía bị đơn cho

rằng không có vay và không nhận số tiền 4.000.000.000 đồng từ nguyên đơn nhưng bị đơn thừa nhận chữ ký "T", chữ viết "Nguyễn Hữu T" và dấu vân tay trong "Giấy vay nợ" ngày 01/5/2021 do nguyên đơn cung cấp là của bị đơn nhưng cho rằng nguyên đơn lợi dụng bị đơn thiếu hiểu biết, trình độ học vấn thấp, có hơi men nên lừa bị đơn ký vào giấy vay nợ 4.000.000.000 đồng ngày 01/5/2021 nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên lời khai này của bị đơn là không có cơ sở.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định "Giấy vay nợ" ngày 01/5/2021 với số tiền vay 4.000.000.000 đồng là có thật, các bên tự nguyện ký kết, các bên có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 119, 385, 401, 463 Bộ luật dân sự 2015.

Mặt khác, FiLe ghi âm do nguyên đơn cung cấp được lập vi bằng số 199/2024/VB-TPLTN ngày 26/12/2024 thể hiện cuộc nói chuyện giữa ông T, ông V và anh Đoàn Văn D (là con ruột ông V) vào ngày 26/02/2024 được ông T thừa nhận giọng nói trong File âm là của ông T và F ghi âm thể hiện:

Tại 00:37- Giọng nam 03 (giọng ông Đoàn Quang V): Cái giấy gì tao cũng không giấy gì hết.

Tại 00:39- Giọng nam 01 (giọng ông Nguyễn Hữu T): Vậy thì anh phải xác minh chị coi một cái giấy rẫy với một cái giấy ngoài đây mà.

Tại 00:44- Giọng nam 03 (giọng ông Đoàn Quang V): Là bây giờ phải xác nhận là trong hai cái giấy đó mày thiếu tao bao nhiêu tỷ.

Tại 00:48- Giọng nam 01 (giọng ông Nguyễn Hữu T): 2 miếng là 9 tỷ.

.....

Tại 01:21- Giọng nam 01 (giọng ông Nguyễn Hữu T): Vậy này chú trình bày như vậy nè. Là Dự này. Chú thiếu 9 tỷ.

Tại 01:29- Giọng nam 02 (giọng ông Đoàn Văn D): Dạ.

Tại 01:30- Giọng nam 01 (giọng ông Nguyễn Hữu T): Là thế chấp vo cái rẫy bà B 9 tỷ.

Tại 01:33- Giọng nam 02 (giọng ông Đoàn Văn D): Dạ.

Tại 01:34- Giọng nam 01 (giọng ông Nguyễn Hữu T): Sau này, mấy tháng sau á. Mẹ đổi ý, mẹ nói bây giờ đất hạ, cái rẫy này là viết giấy lại.... còn 5 tỷ, 4 tỷ viết giấy ngoài cho vợ chồng tui. ấy, thì chú cũng viết cho là 2 miếng,..... miếng 4 tỷ giấy tay ngoài.

Tại 02:00- Giọng nam 02 (giọng ông Đoàn Văn D): Là tổng cộng chú nợ 9 tỷ.

Từ nội dung Fle ghi âm có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn 9.000.000.000 đồng, trong đó một giấy vay 5.000.000.000 đồng có thế chấp thửa đất số 130, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã P và một giấy vay 4.000.000.000 đồng cùng ngày 01/5/2021, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ vay 4.000.000.000 đồng theo giấy vay ngày 01/5/2021 là có cơ sở.

Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích ở trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyện đơn số tiền nợ 4.000.000.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân nhân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

[4] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Hữu T phải chịu 112.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T không được hội đồng xét xử chấp nhận, do đó ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184, 235, 273, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, 119, 357, 385, 401, 429, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Quang V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T.

Buộc ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Đoàn Quang V và bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 4.000.000.000đ *(bốn tỷ đồng)*.

+ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 112.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013390 ngày 09/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú. (Ông T đã nộp đũ án phí phúc thẩm)

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Toàn